

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LÂM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**
Số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày 10/01/2022
V/v “Xin ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Tuấn;

Bà Nguyễn Thị Dung;

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng H Trang – Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 323/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa ra xét xử số 110/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Anh Thạch Văn Tuấn D, sinh năm 1993;

ĐKKHKT và nơi cư trú: Thôn Y, xã N, huyện G, thành phố H; có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn:

Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1995;

ĐKKHKT: Thôn Y, xã N, huyện G, thành phố H.

Nơi cư trú: Thôn X, xã N, huyện G, thành phố H.

Có đơn xin xét xử vắng mặt; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Anh Thạch Văn Tuấn D và chị Nguyễn Thị Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã N, huyện G, thành phố H ngày 05/8/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh D và chị H cùng chung sống tại gia đình anh D ở thôn Y, xã N, huyện G, thành phố H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống không hợp nhau. Đến năm 2021 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2021, cắt đứt quan hệ tình cảm và quan hệ sinh lý từ đó cho đến nay. Chị H về thôn X, N sống từ tháng 02/2021 đến nay không sống ở nhà anh D nữa. Nay anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh D và chị H đều không quan tâm, chăm sóc cho nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, không thể hàn gắn được nữa, anh D xin ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng chúng tôi có 01 con chung là cháu Thạch Hoài A, sinh ngày 08/11/2019. Hiện nay cháu A đang sống cùng vợ tôi tại thôn X, N. Khi ly hôn, tôi đồng ý giao cháu Thạch Hoài A cho vợ tôi được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Nếu vợ tôi yêu cầu đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con thì tôi đóng góp 2.000.000 đồng - 3.000.000 đồng/ tháng. Nếu vợ tôi không yêu cầu đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con thì tôi cũng không đóng góp.

Về tài sản chung: Chúng tôi không có tài sản chung, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung vợ chồng: Chúng tôi không có nợ chung, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, tôi không còn yêu cầu gì khác.

****Bị đơn là chị Nguyễn Thị Thu H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt, đồng thời chị H có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án như sau:***

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã N, huyện G, thành phố H.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống không hợp nhau. Đến đầu năm 2021 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng nên tôi về nhà bố mẹ đẻ tôi ở thôn X, N sống từ tháng 02/2021. Từ đó đến nay,

chúng tôi sống ly thân. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh D yêu cầu xin ly hôn, tôi đồng ý ly hôn với anh D.

Về con chung: chị H và anh D có 01 con chung là cháu Thạch Hoài A, sinh ngày 08/11/2019. Hiện nay cháu A đang sống cùng chị H tại thôn X, N. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hoài A. Chị H không yêu cầu anh D đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chúng tôi không có tài sản chung, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:**

- Về thẩm quyền: Toà án nhân dân huyện Gia Lâm đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định.

- Thẩm phán lập hồ sơ, thu thập chứng cứ, tiến hành giao các văn bản tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tiến hành trình tự, thủ tục tại phiên toà đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng tại phiên toà đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không đến Tòa theo triệu tập của Tòa án nên không chấp hành đủ các quy định của pháp luật, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên được coi là đã chấp hành.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của anh D đối với chị H

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung vợ chồng là cháu Thạch Hoài A- sinh ngày 08/11/2019 cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng. Đề nghị Hội đồng xét xử tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con của anh D đối với cháu A cho đến khi cháu A trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu mới.

+ Về tài sản chung vợ chồng: Do anh D, chị H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

+ Về án phí: Vụ án được thụ lý ngày 13/10/2021, nên về án phí cần áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bị đơn cư trú tại xã N, huyện G, thành phố H, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội là đúng thẩm quyền.

Nguyên đơn là anh Thạch Văn Tuấn D chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Thu H quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập chị Nguyễn Thị Thu H đến Tòa án để tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng chị H đều vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt và xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:*

Anh Thạch Văn Tuấn D, sinh năm 1993 và chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1995 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện G, thành phố H ngày 05/8/2019. Như vậy, quan hệ hôn nhân của anh D và chị H là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Anh D và chị H cũng như chính quyền địa phương cùng xác định vợ chồng anh D và chị H chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, to tiếng, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống không hợp nhau. Đến năm 2021 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2021 cắt đứt quan hệ sinh lý cho đến nay. Chị H đưa con chung là cháu Hoài A về thôn X, N sống từ tháng 02/2021 đến nay không sống cùng anh D nữa. Nay anh D và chị H cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa, anh D giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị H, chị H đồng ý ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh D và chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của anh D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung:*

Xét điều kiện nuôi con: Hiện nay, chị H đang nuôi dưỡng cháu Hoài A ổn định. Mặt khác, cháu Hoài A còn nhỏ và là con gái, nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ để cháu phát triển tâm, sinh lý và thể chất, nên giao cháu Hoài A cho chị H là mẹ được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là có căn cứ,

phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh D đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Tại các bản khai tại Tòa án, anh D cũng trình bày trường hợp chị H nuôi con thì anh D tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên tại phiên tòa, anh D đã thay đổi quan điểm và trình bày: trường hợp chị H không yêu cầu anh D đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con thì anh D cũng không đóng. Xét thấy việc chị H nuôi con và yêu cầu anh D đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là quyền của chị H nhưng chị H không yêu cầu. Anh D cũng không tự nguyện đóng góp tiền nuôi con nên cần tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con của anh D đối với chị H cho đến khi cháu Thạch Hoài A trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu mới.

[4] Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Anh D và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Thạch Văn Tuấn D. Anh Thạch Văn Tuấn D được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu H.

2. Về con chung:

- Giao cháu Thạch Hoài A, sinh ngày 08/11/2019 cho chị Nguyễn Thị Thu H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con của anh Thạch Văn Tuấn D cho chị Nguyễn Thị Thu H cho

đến khi cháu Thạch Hoài A trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu mới.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Anh D và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Anh Thạch Văn Tuấn D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh D đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0072799 ngày 12/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Thạch Văn Tuấn D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Thu H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Gia Lâm;
- Công an huyện Gia Lâm;
- Chi cục THADS huyện Gia Lâm;
- UBND xã/thị trấn nơi đăng ký kết hôn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Ngân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA